

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 04/7/2022.

V/v "Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K - TỈNH KONTUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trương Quang Ngọc;

2/ Ông Trương Duy Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Công - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K - tỉnh K.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2022/ TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1964. Có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thế Ng, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn K, phường Th, thành phố K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 01/3/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Lê Thị T trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Bà Lê Thị T và Ông Nguyễn Thế Ng tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 09 tháng 7 năm 2003, đăng ký kết hôn tại UBND phường Th, thành phố K. Quá trình chung sống thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, ngày càng trầm trọng, gây ảnh hưởng đến tinh thần và cuộc sống gia đình, hai người đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay bà T không còn tình cảm với ông Ng, nên yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thế Ng. Bà T không đồng ý hỗ trợ cho ông Ng 50.000.000 đồng, vì bà cũng hết tuổi lao động, không có tài sản, phải đi làm thuê, thu nhập không ổn định, mỗi tháng bình quân 4.000.000 đồng, không đủ ăn, bà cũng phải cậy nhờ các con giúp đỡ một phần. Bà công nhận ông Ng sức khỏe yếu, nhưng cũng đang đi làm mộc được, hàng ngày vẫn ăn ở chung cùng con gái đầu. Bà đồng ý hỗ trợ cho ông Ng 10.000.000 đồng, mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 1989 và Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1991 đều trưởng thành có gia đình riêng, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Không.

- *Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Thế Ng:* Ông Ng đồng ý với lời khai của bà T về mối quan hệ hôn nhân giữa hai người, về mâu thuẫn vợ chồng, con

chung. Ông Ng đồng ý ly hôn bà T, nhưng bà T phải hỗ trợ cho ông 50.000.000 đồng, vì ông không có tài sản và không thể lao động do sức khỏe yếu. Về tài sản chung: Không có tài sản chung. Nợ chung: Không.

- *Ý kiến của chị Nguyễn Thị Bích Ph và chị Nguyễn Thị Thu Th* là con đẻ của ông Ng và bà T: Chị Ph và chị Th đều có chung lời khai, ông Ng và bà T đã sống ly thân nhau được 10 năm, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ăn chung, không ở chung. Đề nghị cho ông Ng và bà T ly hôn để hai người có cuộc sống riêng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: - Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Ng có địa chỉ tại thôn Kon Klor, phường Th, thành phố K. Nên yêu cầu của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn ông Ng đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Ng.

Về nội dung:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Thế Ng tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, do đó quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Ng là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông Ng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ngày càng trầm trọng, giữa hai người không còn tình cảm yêu thương, đã sống ly thân bảy năm nay. Ông Ng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn bà T, nhưng ông yêu cầu bà T phải hỗ trợ cho ông 50.000.000 đồng. Hai người con cũng thừa nhận tình trạng hôn nhân của ông bà và cũng đồng ý ông bà được ly hôn với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã thực sự lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Vì cả hai con là Nguyễn Thị Bích Th, sinh ngày 11 tháng 7 năm 1989 và Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 16 tháng 10 năm 1991 đều trưởng thành nên không yêu cầu đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] *Tài sản chung:* Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Ông Ng yêu cầu Bà T phải hỗ trợ cho ông số tiền 50.000.000 đồng mới đồng ý ly hôn. Bà T chỉ đồng ý hỗ trợ cho ông Ng 10.000.000 đồng, chia đều cho 5 tháng, mỗi tháng 2 triệu đồng.

Theo quy định tại khoản Điều 115 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khi ly hôn nếu bên khó khăn, túng thiếu có yêu cầu cấp dưỡng mà có lý do chính đáng thì bên kia có nghĩa vụ cấp dưỡng theo khả năng của mình. Tuy nhiên ông Ng không yêu cầu cấp dưỡng, mà chỉ yêu cầu bà T hỗ trợ. Xét thấy, cả ông Ng và bà T đều khó khăn về kinh tế, ông Ng sức khỏe yếu, tuy vẫn đi lại được,

nhưng tự lao động kiếm sống gặp khó khăn; bà T hết tuổi lao động nhưng vẫn đi làm thuê, thu nhập không ổn định, mỗi tháng khoảng 4.000.000 đồng. Theo trình bày của bà T và ông Ng, thì khi chưa ly hôn ông bà có 02 lô đất đã chia đều cho 02 người con gái đã xây nhà ở riêng, hiện ông bà không còn tài sản, nên ông bà đang ở riêng cùng hai người con gái và được hai người con giúp đỡ. Như vậy cả hai người đều có hoàn cảnh khó khăn, túng thiếu, cuộc sống đều phải dựa vào các con, nên ông Ng yêu cầu bà T hỗ trợ cho ông số tiền 50.000.000 đồng là vượt quá khả năng của bà T. Do đó HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của của bà T hỗ trợ cho ông Ng 10.000.000 đồng, chia đều cho 5 tháng, mỗi tháng 2 triệu đồng.

[5] Về án phí: Yêu cầu ly hôn của bà T được chấp nhận, nên bà phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 115 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2022 của Bà Lê Thị T về việc “Ly hôn” đối với ông Nguyễn Thế Ng. **Xử:**

1. *Về Quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Thế Ng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của của bà Lê Thị T hỗ trợ cho ông Nguyễn Thế Ng 10.000.000 (mười triệu) đồng, chia đều cho 5 tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, tính từ tháng 8 năm 2022.

3. *Về án phí:* Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo Biên lai thu số: 0000663 ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

3. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/7/2022). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nên thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND tp. KonTum;
- Chi cục THA dân sự tp. KonTum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hoài

